

Daily note 30/09/2026

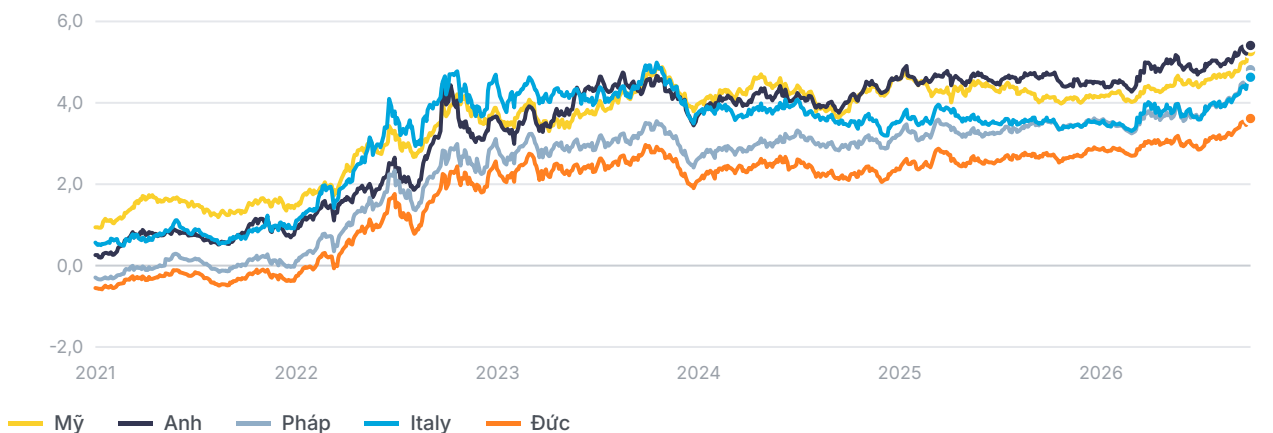
Lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm của Mỹ, Anh và Pháp cùng lên mức cao nhất kể từ 2007-2008, trong khi niềm tin tiêu dùng Mỹ xuống mức thấp nhất kể từ năm 2014.

01 Lợi suất 10 năm của Mỹ, Anh và Pháp cao nhất kể từ 2007-2008

Phiên 29/09, lợi suất trái phiếu chính phủ dài hạn tiếp tục tăng ở cả Mỹ và châu Âu. Lợi suất 10 năm của Mỹ lên 5,26%, ngang mức ngày 29/08/2007. Lợi suất của Anh và Pháp cũng lên mức cao nhất kể từ 2007 và 2008.

Lợi suất 10 năm (%)	28/08	22/09	29/09	Thay đổi một tháng	Ghi chú
Mỹ	4,73	4,96	5,26	+53 bp	cao nhất kể từ tháng 8/2007
Anh	5,08	5,24	5,41	+33 bp	cao nhất kể từ tháng 10/2007
Pháp	4,13	4,51	4,81	+69 bp	cao nhất kể từ tháng 7/2008
Italy	4,11	4,36	4,63	+51 bp	cao nhất kể từ tháng 11/2023
Đức	3,27	3,45	3,61	+34 bp	
Chênh lệch Pháp – Italy (bp)	+1,4	+14,6	+18,6	+17,2 bp	lớn nhất kể từ năm 2000
Lợi suất trái phiếu doanh nghiệp Mỹ nhóm lợi suất cao (%)	7,02	7,48	8,03 (28/09)	+101 bp	cao nhất kể từ tháng 4/2025

Lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



40yo.vn, Bộ Tài chính Mỹ, TradingView

%

Lợi suất tăng đồng thời ở cả năm thị trường. Trong một tháng, lợi suất Mỹ tăng 53 điểm cơ bản, Anh 33 điểm cơ bản, Đức 34 điểm cơ bản. Lợi suất trái phiếu doanh nghiệp Mỹ nhóm lợi suất cao tăng 101 điểm cơ bản, gần gấp đôi mức tăng 53 điểm cơ bản của lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ 10 năm, nên chi phí vay của doanh nghiệp có xếp hạng tín nhiệm thấp tăng nhanh hơn chi phí vay của Chính phủ.

Pháp tăng mạnh nhất trong nhóm. Lợi suất 10 năm của Pháp tăng 69 điểm cơ bản, nhiều hơn Đức 35 điểm cơ bản và nhiều hơn Italy 17 điểm cơ bản. Nhà đầu tư vì vậy đang đòi lợi suất cho trái phiếu Pháp cao hơn Italy 18,6 điểm cơ bản, mức chênh lệch lớn nhất kể từ năm 2000, trong khi một tháng trước hai nước gần như ngang nhau. Chênh lệch giữa Pháp và Đức lên 1,20 điểm phần trăm.

02 Niềm tin tiêu dùng Mỹ thấp nhất kể từ năm 2014

Chỉ số niềm tin tiêu dùng của Conference Board tháng 9 giảm 7,5 điểm xuống 81,9 điểm, thấp nhất kể từ tháng 2/2014. Cùng ngày, Bộ Lao động Mỹ công bố khảo sát việc làm trống và biến động lao động (JOLTS) tháng 8.

Chỉ tiêu	Cùng kỳ năm trước	Kỳ trước	Kỳ này	Thay đổi so với kỳ trước	Ghi chú
Niềm tin tiêu dùng Conference Board (điểm), 09/2026	95,6	89,4	81,9	-7,5	thấp nhất kể từ 02/2014; phân vị 27% từ 1970
Vị trí tuyển dụng (nghìn), 08/2026	6.919	7.335	7.079	-256	thấp nhất kể từ 03/2026
Số người được tuyển mới (nghìn), 08/2026	5.145	5.146	5.192	+46	
Số người tự nghỉ việc (nghìn), 08/2026	3.095	3.089	3.066	-23	
Số người bị sa thải (nghìn), 08/2026	1.832	1.702	1.641	-61	thấp hơn cùng kỳ 191 nghìn

Thị trường lao động chưa xấu đi tương ứng với tâm lý người tiêu dùng. Số vị trí tuyển dụng tháng 8 giảm 3,5% so với tháng 7 nhưng vẫn cao hơn cùng kỳ 2,3%. Số người bị sa thải giảm xuống 1,64 triệu, thấp hơn cùng kỳ 10,4%. Như vậy doanh nghiệp tuyển ít đi nhưng chưa cắt giảm lao động.

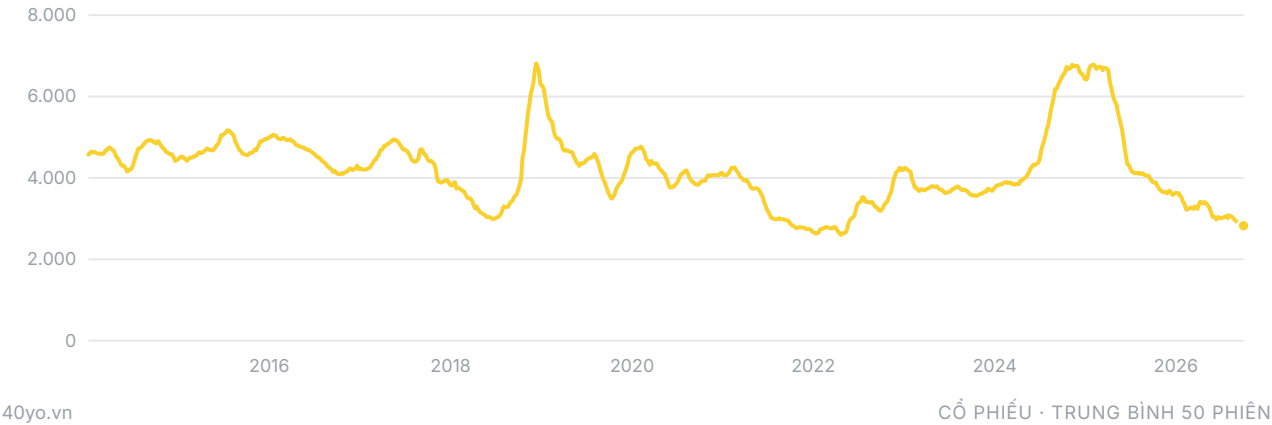
Niềm tin tiêu dùng giảm trong tháng giá dầu Brent tăng 17,4% và lợi suất 10 năm của Mỹ tăng 53 điểm cơ bản. Chỉ số của Đại học Michigan đo cùng tâm lý này đã xuống 44,8 điểm vào tháng 5/2026, thấp nhất kể từ năm 1978. Số liệu tổng của Conference Board chưa cho biết lo ngại về giá cả hay về việc làm chiếm phần lớn hơn trong mức giảm tháng 9.

03 Khối lượng mỗi lệnh mua trên HOSE thấp nhất kể từ tháng 5/2022

Theo thống kê đặt lệnh trên HOSE, trung bình 50 phiên của khối lượng đặt mua bình quân mỗi lệnh giảm xuống 2.826 cổ phiếu ngày 29/09. Đây là mức thấp nhất kể từ tháng 5/2022, và thấp hơn ngưỡng phân vị 5% của chuỗi từ năm 2014 (2.834 cổ phiếu).

Chỉ tiêu, trung bình 50 phiên	Một năm trước	Một tháng trước	29/09/2026	Phân vị từ 2014	Trung vị từ 2014
Khối lượng đặt mua mỗi lệnh (cổ phiếu)	3.884	2.939	2.826	5%	4.208
Khối lượng khớp trên khối lượng đặt mua (%)	52,8	51,3	54,8	96%	44,4
Khối lượng đặt mua trên khối lượng đặt bán (lần)	1,06	0,99	0,97	28%	1,00

Khối lượng đặt mua bình quân mỗi lệnh trên HOSE



Khối lượng mỗi lệnh mua thấp hơn một năm trước 27% và thấp hơn mức trung vị kể từ năm 2014 (4.208 cổ phiếu) 33%. Tỷ lệ khớp lệnh 54,8% là mức cao nhất kể từ tháng 7/2018.